

Bản án số: 27/2018/HS-ST

Ngày: 23-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sơn Tùng; nghề nghiệp: Giáo viên.

Ông Nguyễn Tuấn Lam; nghề nghiệp: Công chức Phòng Giáo dục.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

T, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2001, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp T2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: học sinh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L và bà H; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa từng có tiền án, tiền sự; bị bắt, tạm giam: không; (biện pháp ngăn chặn của cơ quan điều tra: cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh); có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông L sinh năm 1975; là cha của bị cáo; có mặt. Bà H, sinh năm: 1977; là mẹ của bị cáo; vắng mặt. Cùng nơi cư trú: ấp T2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà T1 là luật sư ký hợp đồng trợ giúp pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Chi nhánh số 2; có mặt.

- Bị hại: T2 sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp 1, xã T 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; đã chết.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Người đại diện theo pháp luật: Ông M sinh năm 1960; là cha; bà D sinh năm 1961; là mẹ; chị N sinh năm 1987; là vợ; cháu K sinh ngày 10 tháng 11 năm 2007; là con; cháu Q sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016; là con. Cùng nơi cư trú: ấp 1, xã T2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Người đại theo pháp luật của hai cháu K và Q là chị N, mẹ của hai cháu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M và chị N là bà D (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 8 năm 2018); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà L1 sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp 9, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* N1, D1, T3, S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 11/8/2018, T điều khiển xe mô tô hiệu Wave, màu đen bạc, biển kiểm soát 66G1-xxxxx, trên đường ĐT 841 hướng từ xã T2 đến xã T để xem hội chợ. Khi đến khu vực ấp 3, xã T2, T phát hiện phía trước có xe ô tô tải chạy cùng chiều, nên T tăng ga vượt lên lấn sang phần đường bên trái. Lúc này anh T2 điều khiển xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, biển kiểm soát 51Y9 -xxxx chạy chiều ngược lại nên xảy ra va chạm mạnh làm hai người và xe ngã xuống đường. Hậu quả anh T2 chấn thương vùng đầu nằm bất tỉnh, còn T bị sây sát nhẹ, nên T chở anh T2 đến Trung tâm y tế huyện H cấp cứu. Sau đó, anh T2 được gia đình chuyển lên Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Tháp điều trị, nhưng tử vong trên đường đi.

Biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 12 tháng 8 năm 2018 thể hiện: Đoạn đường thẳng, tầm nhìn không hạn chế, đường nhựa đá, chiều rộng mặt đường 06 mét, mặt đường bằng phẳng, có vạch kẻ đường; lấy mép đường bên phải theo hướng lưu thông từ xã Thường Phước 1 về hướng xã Thường Thới Tiền làm chuẩn (hướng xe 66G1-xxxxx do T điều khiển); vị trí vùng va chạm (số 13) cách mép đường 3,79 mét.

Như vậy, T điều khiển xe vượt ẩu, đã lấn sang phần đường ngược chiều bên trái 0,79m và chạm vào xe anh T2 điều khiển hướng ngược lại là lỗi của T.

Vật chứng trong vụ án: 01 xe mô tô biển số 51Y9-xxxx; màu xanh, nhãn hiệu DAMSAM; 01 giấy phép lái xe hạng A1 của anh T2; 01 xe mô tô biển số 66G1-xxxxx; màu đen - bạc, nhãn hiệu Honda.

Tại biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 13 tháng 8 năm 2018, xe mô tô biển số 66G1-xxxxx có dung tích xi lanh 109cm³.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 594/KL-KTHS, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: T2 đa chấn thương nhiều vùng trên cơ thể; dập và xuất huyết màng não ở toàn bộ

hai bên bán cầu đại não. T2 bị đa chấn thương, trong đó chấn thương vùng đầu gây dập và xuất huyết não là nguyên nhân gây tử vong.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại xe và giấy tờ cho bà D và ông L.

Về dân sự: Tại phiên tòa, bà D là đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo T cùng ông L là cha bị cáo thỏa thuận bồi thường các khoản tiền viện phí và phí mai táng, tiền tổn thất tinh thần, tiền cấp dưỡng cho cháu Q (con anh T2), tổng số tiền: 170.000.000đ, đã bồi thường được 40.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 130.000.000đ, sau phiên tòa sẽ giao trước số tiền 10.000.000đ.

Tại Cáo trạng truy tố số 22/CT-VKSHN ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 54, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Về dân sự: 02 bên đã thỏa thuận xong, không đề cập đến. Về các vấn đề khác giữ nguyên như Cáo trạng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu: Bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế đề nghị xem xét theo Điều 91 BLHS, cùng các tình tiết giảm nhẹ như Kiểm sát viên đã nêu, gia đình lo vay mượn tiền để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại. Đề nghị xem xét căn cứ vào Điều 65 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[2] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo đã điều khiển xe gắn máy tham gia giao thông vi phạm Luật Giao thông đường bộ năm 2008, đó là các hành vi bị nghiêm cấm tại các khoản 9 Điều 8: “Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định”; quy định vượt xe tại khoản 2 Điều 14: “Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt...”; chưa đủ điều kiện của người lái xe tham gia giao thông theo quy định tại khoản 1 Điều 58: “Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định tại Điều 60 của Luật này và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp”, điểm a khoản 2 Điều 59: “Giấy phép lái xe Hạng

A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50cm³ đến dưới 175cm³”, điểm b khoản 1 Điều 60: “Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh”. Bị cáo không có giấy phép lái xe, điều khiển xe vượt ẩu, lấn trái không quan sát nên đã va chạm vào xe của anh T2, đang chạy đúng làn đường theo chiều ngược lại, làm nạn nhân tử vong là hoàn toàn do lỗi của bị cáo.

[3] Tính mạng, sức khỏe của con người là bất khả xâm phạm, được Nhà nước ưu tiên bảo vệ, chế tài bởi pháp luật. Vậy mà, bị cáo không chấp hành đúng luật, không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, điều khiển xe gây ra tai nạn làm chết người. Nếu bị cáo thực hiện đúng các quy định của Luật Giao thông đường bộ thì không có hậu quả chết người, thiệt hại do tài sản bị hư hỏng và ngày hôm nay bị cáo cũng không phải đứng trước phiên tòa. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây hoang mang, tâm lý không an toàn trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông.

[4] BLHS quy định: “Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;...”

[5] Do đó, đã đủ căn cứ để kết luận bị cáo T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của BLHS. Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[7] Bị cáo nhận thức được hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác và của chính bị cáo. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương ứng nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Về nhân thân: Bị cáo còn là học sinh, chưa từng có tiền án, tiền sự.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại và thống nhất tiếp tục bồi thường tiếp; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chấp hành tốt nội quy và quy định của trường học, ông ngoại

tên S1 là người có công cách mạng, kinh tế gia đình khó khăn; sau khi gây tai nạn đã tích cực chờ bị hại đi cấp cứu, tại phiên tòa, đại diện bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo trên 16 tuổi, dưới 18 tuổi nên được xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 101 của BLHS.

[11] Từ hành vi và hậu quả nêu trên, phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, để bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và phấn đấu trở thành người có ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời cũng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức chấp hành pháp luật, xem thường tính mạng người khác khi tham gia giao thông như bị cáo.

[12] Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt chưa từng có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; đại diện bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, cho nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

[13] Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; làm cho tình hình an ninh trật tự ở địa phương ngày càng được cải thiện theo hướng tích cực, nhân dân an tâm lao động, sinh sống.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Bà D và bị cáo T và ông L đã thỏa thuận được các khoản tiền bồi thường thiệt hại 130.000.000đ là phù hợp, vì đó là các khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, mai táng bị hại, tiền cấp dưỡng cho con của bị hại và một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại được quy định tại Điều 48 của BLHS, các Điều 584, 590, 591, điểm a khoản 2 Điều 593 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, do bà H là mẹ của bị cáo vắng mặt nên không công nhận sự thỏa thuận được, mà phải buộc ông L và bà H là cha mẹ bị cáo, phải có trách nhiệm cùng bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 74 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 586 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[15] Về vật chứng: Đã xử lý xong, đúng quy định.

[16] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và cha mẹ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[17] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và

những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 101, Điều 65, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 8, 14, 58, 59 và 60 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008; các Điều 584, 586, 590, 591 và 593 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 30, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23, 26 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt bị cáo T 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án hôm nay (23/11/2018).

3. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông L, bà H và T liên đới bồi thường thiệt hại về tính mạng, tổn thất về tinh thần và cấp dưỡng cho những người thừa kế của bị hại T2 số tiền còn lại 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

5. Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc ông L, bà H và T liên đới chịu 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về thi hành án dân sự:

6.1. Quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, tổn thất về tinh thần được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự.

6.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.3. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, đại diện bị cáo, người bào chữa, đại diện bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/11/2018). Đối với đại diện bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người đại diện của họ có quyền kháng cáo bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Người bào chữa có quyền kháng cáo để bảo vệ lợi ích của người dưới 18 tuổi mà mình bào chữa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú